Midterm Test Semester 2
Grade 1

Name:…… Date……..
Class:……..

II. READING & WRITING (ĐỌC & VIẾT)

Part 1. Look, read and circle. There is one example. ____ /5

(Nhìn, đọc và khoanh vào từ đúng)

0.		bike	train	truck
1.		foot	hand	nose
2.		top	teddy bear	doll
3.		hands	ears	eyes
4.		dress	skirt	hat
5.		dress a doll	fly a kite	ride a bike

LIVEWORKSHEETS

Part 2. Look and circle. There is one example. ____/5
(Nhìn và khoanh tròn)

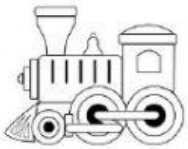

/ s / /p/ / t/

/t/ /b/ / æ/

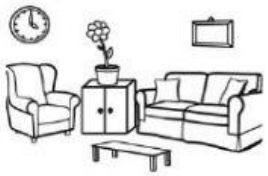

/h/ / l / / p/

/h/ /b/ /t/

/m/ /æ/ /d/

/ h / /d/ / k/

Part 3. Look, read and choose the correct answers. ____ / 10
(Nhìn, đọc và khoanh tròn vào đáp án đúng. Xem ví dụ).

0.	That's a _____.		A. *lamp* B. *book*
1.	**I** have a nose. _____nose is big.		*A. his* *B. my*
2.	_____ she want to fly a kite?		*A. Does* *B. Do*
3.	Does he want a car?		*A. Yes, he does.* *B. No, he doesn't.*
4.	Those are_____.		*A. socks* *B. gloves*

LIVEWORKSHEETS

5.	_____wearing a dress.		*A. He's* *B. She's*
6.	What are these?		*A. They're* ***legs.*** *B. They're* ***hands.***
7.	_____this your robot?		*A. Are* *B. Is*
8.	Are these your _____?		*A. games* *B. tops*
9.	What is this?		*A. It's* ***a nose.*** *B. It's* ***a foot.***
10	**She** has big eyes. _____eyes are big.		*A. Her* *B. His*

Part 4. Reorder the words to make the correct sentences. ____/5

(Sắp xếp từ để tạo thành câu đúng. Xem ví dụ.)

0. are/ Her/ brown/ eyes/./
   → Her eyes are brown.
1. want/ you/ball/Do/a/?/
   → _____
2. this/ your/Is/truck/?/
   → _____
3. are/ these/What/?/
   → _____
4. she/ want/ Does/ kite/?/a/
   → _____
5. hair/brown/My/is/./
   → _____

LIVEWORKSHEETS

Part 5: Read and color (Đọc và tô màu đúng theo yêu cầu) ____/5

1. Color the car on the truck **blue.**

2. Color the car next to the flowers **yellow.**

3. Color the car behind the bike **green.**

4. Color the dog **brown.**

5. The boy is playing with a car.

Color that car **red.**

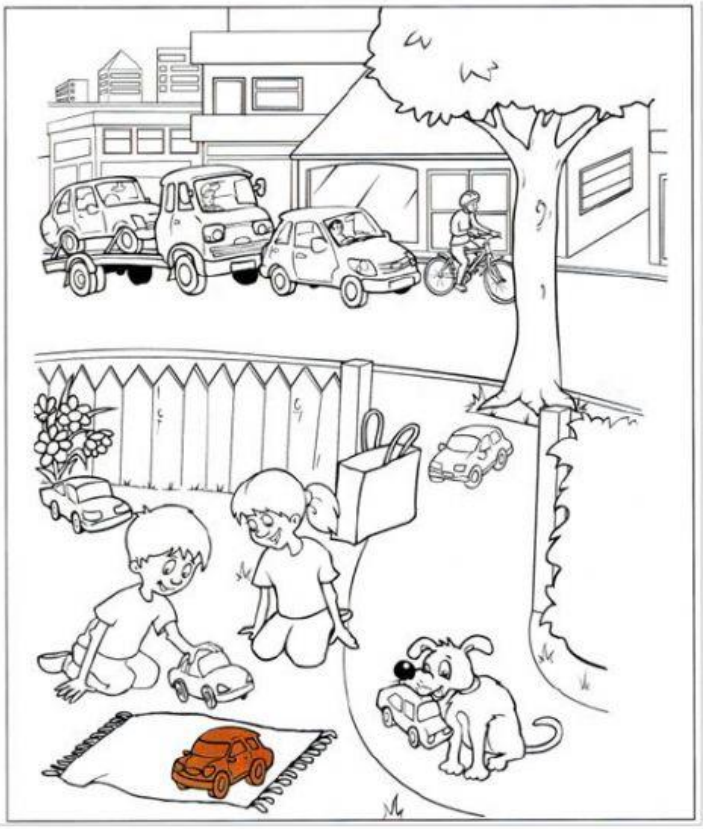

The end!

LIVEWORKSHEETS